TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 66/2018/HNGĐ - ST
Ngày 17 - 5 - 2018
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018. Về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX - ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Đội 3 Đại Thành, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Trần Văn D - Sinh năm 1973

Địa chỉ: Đội 3 Đại Thành, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị Th, vắng mặt anh D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 27/02/2018 cũng như lời khai chị Phạm Thị Th trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn D vào tháng 01/1993 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ

chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh D thường xuyên rượu chè đánh chửi vợ con. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng anh D không thay đổi. Từ tháng 7/2015 đến nay chị và anh D sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nên chị xin được ly hôn anh Trần Văn D. Về con chung giữa chị và anh D có hai con chung là Trần Thị Ng sinh ngày 11/11/1993 và Trần Thị Ng sinh ngày 03/02/2000. Hiện các con đều đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh D không có nên chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn D vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết anh D có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Phạm Thị Th về việc kết hôn giữa anh và chị Th. Sau khi kết hôn anh và chị Th chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh và chị Th luôn bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến cãi chửi nhau. Đến tháng 7/2015 đến nay anh và chị Th sống ly thân nhau. Nay chị Th xin ly hôn anh thì anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn chị Th. Về con chung giữa anh và chị Th có hai con chung là Trần Thị Ng sinh ngày 11/11/1993 và Trần Thị Ng sinh ngày 03/02/2000. Hiện các con đều đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết viêc nuôi con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Th không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Thvà anh Trần Văn D. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn D đều cư trú tại xã Nghĩa thịnh huyện N, nay chị Phạm Thị Th có đơn xin ly hôn anh Trần Văn D và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Phía anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh Trần Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt anh Trần Văn D là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn D được tổ chức kết hôn vào tháng 01/1993 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Th và anh D chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do chị Th và anh D không hợp tính nhau và còn do anh D hay rượu chè đánh chửi chị Th. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh D không được cải thiện. Từ tháng 7/2015 đến nay chị Th và anh D sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh D đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Nay chị Th xin ly hôn anh D nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh D xin đoàn tụ với lý do anh và chị Th vẫn còn tình cảm vợ chồng thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh D không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn D có hai con chung là Trần Thị Ng sinh ngày 11/11/1993 và Trần Thị Ng sinh ngày 03/2/2000. Hiện các cháu đều đã trưởng thành tự lập được; chị Th và anh D đều không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn D đều khai thống nhất xác định anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Trần Văn D.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06198 ngày 28/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Chị Phạm Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Th, vắng mặt anh D. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng